

VỀ CHÍNH SÁCH GIÁO DỤC TRẺ DƯỚI 36 THÁNG TUỔI

Cao Thị Hồng Minh

Trung tâm Nghiên cứu Phụ nữ - Trường Cán bộ Phụ nữ Trung ương

Tóm tắt: Bài viết là một phần kết quả của đề tài "Thực trạng và nhu cầu gửi trẻ dưới 36 tháng - Một số đề xuất chính sách" của Trung tâm Nghiên cứu Phụ nữ phối hợp với Ban Gia đình và Xã hội thuộc Hội LHPN Việt Nam tiến hành năm 2008. Tác giả sử dụng phương pháp phân tích các văn bản, cụ thể là các chính sách của Đảng, Nhà nước và các ban ngành liên quan đến giáo dục trẻ dưới 36 tháng tuổi. Mục đích là góp phần tìm ra những giải pháp hỗ trợ phụ nữ gửi con ở các cơ sở trông giữ trẻ đảm bảo chất lượng, cũng như đảm bảo quyền được chăm sóc và giáo dục đầy đủ cho trẻ nhỏ dưới 36 tháng. Tác giả cho thấy nhìn chung các văn bản có nội dung phù hợp với từng thời kỳ phát triển của đất nước, tuy nhiên chưa đi sâu vào quy định riêng cho đối tượng trẻ em ở lứa tuổi dưới 36 tháng mà chủ yếu là những quy định chung cho lứa tuổi mầm non. Tác giả lưu ý rằng những quy định trực tiếp đến đối tượng trẻ dưới 36 tháng nói chung và Điều lệ trường mầm non 2008 nói riêng còn thiếu tính khả thi, khó thực hiện trên thực tế dẫn đến việc các trường mầm non không thực hiện hoặc thực hiện hời hợt để đối phó sự kiểm tra, giám sát từ phía các quan chức năng.

Từ khóa: Giáo dục trẻ dưới 36 tháng; Giáo dục mầm non; Chính sách giáo dục mầm non; Chính sách giáo dục trẻ dưới 36 tháng.

1. Đặt vấn đề

Giáo dục mầm non là cấp học đầu tiên của hệ thống giáo dục quốc dân, đặt nền móng cho sự phát triển về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ của

trẻ em Việt Nam, góp phần xây dựng nền tảng ban đầu của nhân cách con người. Năm 2007, theo báo cáo Giám sát toàn cầu về Giáo dục mầm non, Việt Nam xếp thứ 70/125 nước về giáo dục mầm non. Ở Việt Nam, tỉ lệ trẻ trên 3 tuổi, độ tuổi chính thức học mầm non, được tiếp cận với dịch vụ mầm non là 47%, cao hơn so với tỉ lệ 40% trung bình của thế giới. Việt Nam đạt được mức độ cân bằng về giới với tỉ lệ 46% trẻ em nữ và 47% trẻ em nam được học mầm non. Trong khu vực Đông Á, Malaysia đạt tỷ lệ này cao nhất với 108%. Con số này có thể vượt quá 100% là do việc nhập trường sớm hoặc muộn hơn so với tuổi và lưu ban. Lào và Campuchia có tỷ lệ thấp nhất với 8% và 9%. Chỉ có 2 nước tại khu vực Đông Á là Hàn Quốc và Trung Quốc gần đạt được các mục tiêu có thể đo lường được của giáo dục mầm non (Báo điện tử vtc.vn ngày 18/1/2008).

Mặc dù Việt Nam đã đạt được một số thành tựu trong công tác giáo dục mầm non nhưng xét về mặt chính sách, cho đến nay, Nhà nước vẫn chưa có quy định riêng cho công tác giáo dục trẻ dưới 36 tháng tuổi. Những quy định liên quan đến công tác giáo dục trẻ giai đoạn dưới 36 tháng chỉ được đề cập đến trong các văn bản chung về giáo dục mầm non, trong đó có những phần quy định trực tiếp đến lứa tuổi này.

2. Chính sách liên quan đến công tác giáo dục trẻ dưới 36 tháng tuổi

Nhận thức rõ tầm quan trọng của giáo dục mầm non, trong đó có giáo dục trẻ dưới 36 tháng tuổi, Chính Phủ đã ban hành nhiều văn bản về phát triển giáo dục mầm non như: Quyết định số 161/2002/QĐ-TTg, ngày 15 tháng 11 năm 2002 của Thủ tướng Chính Phủ về một số chính sách phát triển giáo dục mầm non; Quyết định Số 149/2006/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính Phủ về Phê duyệt Đề án “*Phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2006 - 2015*”. Đề án có mục tiêu chung là: “*Phát triển giáo dục mầm non nhằm tạo bước chuyển biến cơ bản, vững chắc và toàn diện, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ; củng cố, mở rộng mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non, đặc biệt chú trọng đối với vùng đồng bào dân tộc, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo; đa dạng hoá các phương thức chăm sóc, giáo dục; bảo đảm chế độ, chính sách cho giáo viên mầm non theo quy định. Phấn đấu đến năm 2010 hầu hết trẻ em đều được chăm sóc, giáo dục bằng những hình thức thích hợp, giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng*”.

Giáo dục trẻ ở độ tuổi mẫu giáo, mầm non cũng được đặc biệt chú trọng thông qua “*Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo đến năm 2010*” gồm 7 dự án với mục tiêu chung là nhằm hỗ trợ ngành giáo dục thực hiện các nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về giáo dục và đào tạo và hoàn thành những nhiệm vụ đề ra trong chiến lược phát triển giáo dục

2001 - 2010, góp phần tạo điều kiện để giáo dục tiếp cận trình độ tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, thiết thực phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương và cả nước. Mặc dù trong mục tiêu của dự án 2 và dự án 6 đã có phần đề cập trực tiếp đến chương trình giáo dục mầm non như hoàn thiện bộ chương trình và tài liệu hướng dẫn thực hiện chương trình giáo dục mầm non (dự án 2); thu hút tối đa trẻ 5 tuổi tới trường mầm non, mẫu giáo trước khi vào lớp 1 (dự án 6) nhưng cũng không có phần quy định mục tiêu cụ thể cho công tác giáo dục trẻ dưới 36 tháng tuổi.

Bên cạnh những văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Bộ Giáo dục – Đào tạo và một số ban ngành liên quan cũng đã ban hành những văn bản về công tác giáo dục mầm non, trong đó có những phần quy định đối với trẻ dưới 36 tháng tuổi. Ngày 7/4/2008, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ban hành Điều lệ trường mầm non. Quyết định này thay thế Quyết định số 27/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 20 tháng 7 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường mầm non và Quyết định số 31/2005/QĐ-BGD&ĐT ngày 20 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện tối thiểu cho các lớp mầm non, lớp mẫu giáo và nhóm trẻ độc lập có nhiều khó khăn ở những nơi không đủ điều kiện thành lập trường mầm non. Điều lệ năm 2008 này áp dụng đối với trường mầm non và trường mẫu giáo, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động giáo dục mầm non.

Việc ra đời hàng loạt các trường, nhóm lớp mầm non tư thục đã có một vai trò rất quan trọng trong việc xã hội hoá giáo dục, tạo điều kiện cho trẻ đến trường. Tuy nhiên, thực tế cho thấy công tác quản lý chưa bắt kịp với tốc độ ra đời của các trường tư thục. Quy chế Tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục (Ban hành kèm theo Quyết định số 41/2008/QĐ/BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) quy định: những cơ sở có từ 3 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo trở lên với số lượng ít nhất 50 trẻ và không quá 15 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, có đủ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên, đủ cơ sở vật chất mới được cấp phép thành lập nhà trẻ tư thục; giáo viên mầm non phải có bằng trung cấp sư phạm mầm non, đối với những người có bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm khác, phải có chứng chỉ bồi dưỡng sư phạm mầm non ít nhất là 30 ngày, nhân viên y tế, kế toán có bằng trung cấp theo chuyên môn được giao. Đối với những nơi khó khăn, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu gửi trẻ của các gia đình, người nuôi dạy trẻ phải được bồi dưỡng chuyên môn giáo dục mầm non tối thiểu 3 tháng do cơ quan quản lý giáo dục địa phương tổ chức. Nhà trường, nhà trẻ tư thục có thể bị đình chỉ hoạt động nếu không đảm bảo an toàn về tính mạng cho trẻ em và cán bộ, vi phạm các quy định

về xử phạt hành chính, không đảm bảo chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ hoặc các điều kiện về thành lập trường; trong trường hợp hết thời gian đình chỉ mà không khắc phục được nguyên nhân hoặc vi phạm nghiêm trọng các quy định về quản lý, tổ chức, hoạt động của nhà trường, nhà trẻ, không đảm bảo chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, nhà trẻ tư thục có thể bị giải thể.

Trên thực tế, có nhiều vấn đề nảy sinh chẳng hạn có nhiều trường tư thục mở cơ sở 2, cơ sở 3, song thực chất đó chỉ là nhóm lớp, trong đó có một số nhóm lớp hoạt động chưa được cấp phép. Bên cạnh đó là những vấn đề liên quan đến độ tuổi nhận trông trẻ, chế độ chăm sóc và thời gian đón, trả trẻ... Dưới đây xin nêu cụ thể về một số vấn đề này.

Những quy định về độ tuổi nhận trông giữ trẻ

Việc nhận trông giữ trẻ và chế độ chăm sóc trẻ được quy định khác nhau trong từng thời kỳ. Vào những năm 1960-1985, hệ thống nhà trẻ được Nhà nước bao cấp “Nhà trẻ là đơn vị sự nghiệp giáo dục và phúc lợi, được ngân sách Nhà nước trợ cấp theo chế độ và có sự tham gia đóng góp của gia đình có con gửi nhà trẻ” (Công văn số 304/CP ngày 29/8/1979 của Hội đồng chính phủ về việc tổ chức bộ máy biên chế nhà trẻ thuộc khu vực nhà nước). Năm 1984, trước tình hình mạng lưới nhà trẻ đã phát triển rộng khắp từ thành thị tới nông thôn, Nghị quyết của Bộ Chính trị về cải cách giáo dục đã đặt công tác nuôi dạy trẻ trong nhà trẻ vào hệ thống giáo dục mầm non. Ủy ban Bảo vệ Bà mẹ và Trẻ em đã đưa ra Quy chế nuôi dạy trẻ (Ban hành kèm theo Quyết định số 39/QĐUB ngày 22 tháng 4 năm 1984 của Ủy ban Bảo vệ Bà mẹ và Trẻ em) trong đó gồm các nội dung nuôi dạy trẻ. Mục 3 liên quan đến chế độ chăm sóc trẻ, quy chế đã có những quy định cụ thể về chế độ ăn uống của trẻ theo từng giai đoạn 2-6 tháng tuổi, 7-10 tháng, 11-18 tháng, 19-24 tháng, 25-36 tháng. Quy định về chế độ chăm sóc trẻ ngủ cũng chia theo lứa tuổi gồm 3-6 tháng, 7-12 tháng, 13-18 tháng và 19-36 tháng. Như vậy, rõ ràng trong thời kỳ bao cấp, các nhà trẻ được quy định nhận trông giữ trẻ từ 2 tháng tuổi. Trong thời kỳ này, khối nhà trẻ và mẫu giáo được tách riêng (khối nhà trẻ trông trẻ từ 2 tháng đến 3 tuổi, khối mẫu giáo trông trẻ từ 3 tuổi trở lên) nên việc đào tạo giáo viên giữa nhà trẻ và mẫu giáo rất khác biệt, do đó, các nhà trẻ đều rất sẵn sàng nhận trẻ nhỏ từ 2-3 tháng tuổi trở lên.

Sang những năm 1988, 1989, Nhà nước có quy định sáp nhập hai khối nhà trẻ và mẫu giáo thành một và gọi là khối mầm non. Đến những năm 90, việc nhận trẻ đến lớp được quy định ở độ tuổi trẻ từ 3 tháng trở lên. Để quản lý nhà trẻ và trường mẫu giáo theo yêu cầu của cải cách giáo dục, Bộ Giáo dục đã ban hành “Bản quy định về mục tiêu kế hoạch đào tạo của nhà trẻ - trường mẫu giáo” (Ban hành kèm theo Quyết định số 55/QĐ ngày 3

tháng 2 năm 1990 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục), trong đó nêu rõ “Nhà trẻ, trường mẫu giáo thu nhận trẻ từ 3 tháng đến 6 hoặc 7 tuổi (trước khi trẻ vào lớp 1) để chăm sóc giáo dục, đặt nền móng đầu tiên cho việc hình thành, phát triển nhân cách của trẻ và chuẩn bị những tiền đề cần thiết cho trẻ bước vào trường phổ thông”. Bản quy định này đã đưa ra những yêu cầu cần đạt đối với trẻ ở từng độ tuổi: cuối 6 tháng tuổi, cuối 12 tháng tuổi, cuối 18 tháng tuổi, cuối 24 tháng tuổi, cuối 36 tháng tuổi v.v.. Trong những năm này, mặc dù vẫn có quy định về tuổi nhận trẻ vào lớp là từ 3 tháng - 6 tuổi nhưng thực tế là ở các trường mầm non chỉ nhận trẻ từ 18 tháng tuổi trở lên với những nơi có điều kiện, còn lại hầu như các trường chỉ nhận trẻ từ 36 tháng trở lên (Báo Quân đội nhân dân điện tử ngày 9/1/2002).

Mặc dù cùng quy định độ tuổi trẻ em được nhận vào trường là từ 3 tháng đến 6 tuổi nhưng ở Điều lệ Trường mầm non năm 2008 có sự khác biệt nhỏ với điều lệ Trường mầm non năm 2000. Điều lệ Trường mầm non năm 2000 quy định: “*Trẻ em được nhận vào trường với các điều kiện sau: trẻ em từ 3 tháng đến 6 tuổi. Trẻ em ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trẻ khuyết tật, trẻ bị thiệt thòi được nhận vào trường ở độ tuổi cao hơn tuổi quy định...*” (Khoản 1, Điều 16). Trong khi đó, Điều lệ Trường mầm non năm 2008 quy định rất cụ thể về vấn đề này chung cho tất cả các loại trẻ: “*Trẻ em từ ba tháng tuổi đến sáu tuổi được nhận vào nhà trường, nhà trẻ, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập*” (Điều 42). Việc điều lệ mới một lần nữa quy định rõ ràng về trách nhiệm của các cơ sở trông giữ trẻ trong việc nhận trẻ từ 3 tháng tuổi đang gây ra nhiều tranh luận. Có nhiều lý do khác nhau dẫn đến vấn đề này, đó là chi phí đầu tư cho một lớp để có thể nhận giữ các cháu ở độ tuổi từ 3 tháng rất cao, cơ sở vật chất phải được nâng cấp hơn, lớp cần nhiều diện tích, cần tăng số giáo viên và phải có nhân viên y tế tại chỗ, trong khi đó, điều chưa trở thành hiện thực ở hầu hết các trường mầm non hiện nay (Báo điện tử vnexpress.net ngày 6/5/2008).

Những quy định về chế độ chăm sóc trẻ

Chế độ chăm sóc trẻ dưới 36 tháng cũng được quy định rõ qua việc phân chia trẻ thành nhóm theo độ tuổi, từ đó đưa ra những quy định về phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em, quy định về nhà bếp, yêu cầu về thiết bị, đồ chơi, tài liệu; quy định về tài sản của nhóm trẻ.

Quy định về nhóm trẻ

Trẻ em được tổ chức theo nhóm trẻ hoặc lớp mẫu giáo, trẻ em từ 3 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi được tổ chức thành các nhóm trẻ. Số trẻ tối đa trong một nhóm trẻ được quy định như sau: nhóm trẻ từ 3 đến 12 tháng tuổi: 15 trẻ; nhóm trẻ từ 13 đến 24 tháng tuổi: 20 trẻ; nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi: 25 trẻ (Điều 13- Điều lệ Trường mầm non và Điều 19 - Quy

chế Tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục).

Quy định về phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em

Những quy định về phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em được quy định cụ thể tại điều 28 - Điều lệ trường mầm non và điều 29 - Quy chế Tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục. Phòng ngủ của trẻ phải có diện tích trung bình tối thiểu 1,2m² – 1,5m² cho một trẻ; đảm bảo yên tĩnh, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông; có một số đồ dùng tối thiểu sau: giường, chiếu, chăn, gối, màn, quạt... Phòng vệ sinh cho trẻ phải có diện tích trung bình tối thiểu 0,4 m² – 0,6m² cho một trẻ; có đủ nước cho trẻ dùng, có vòi nước rửa tay, vòi tắm. Đối với nhà trẻ, trẻ có ghế ngồi bô hoặc máng tiểu, bệ xí cho trẻ 24 - 36 tháng. Đối với trẻ mẫu giáo có chỗ đi tiểu và bệ xí cho trẻ em trai và trẻ em gái riêng; hiên chơi phải đảm bảo 0,5 - 0,7m² cho một trẻ, chiều rộng không dưới 2,1m; có lan can bao quanh cao 0,8-1m.

Trên thực tế, những trường mầm non được cấp phép nhìn chung hoạt động tốt vì đã được Phòng Giáo dục đào tạo thẩm định về đội ngũ giáo viên (đạt chuẩn từ trung cấp trở lên), cơ sở vật chất đảm bảo an toàn, đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và dạy dỗ trẻ; hiệu trưởng là người có chuyên môn. Ngược lại, những trường mầm non không được cấp phép, đặc biệt là trường tư thục thì cơ sở vật chất thường không đảm bảo, không đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc và dạy dỗ trẻ. Thực tế hiện nay là không phải trường tư thục nào cũng có điều kiện thuê được mặt bằng đủ tiêu chuẩn. Họ chỉ có thể thuê lại nhà của người dân, thường diện tích phòng học không đảm bảo, vì vậy, mặc dù có quy định về số trẻ/lớp và diện tích bình quân cho một trẻ nhưng việc phòng giáo dục quận/huyện quản lý số trẻ/lớp là rất khó. Các nhà giữ trẻ kiểu này thường rất chật hẹp, vệ sinh kém, không đủ tiêu chuẩn cần thiết, cô bảo mẫu, cô giáo không được đào tạo qua trường lớp nên khi gặp những tình huống khẩn cấp liên quan đến sức khỏe của các cháu thì không biết cách sơ cấp cứu, nên đã xảy ra nhiều trường hợp đáng tiếc.

Những quy định về vấn đề y tế trong các cơ sở giáo dục mầm non

Để lứa tuổi mầm non được phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần, Bộ Giáo dục đào tạo đã ban hành Quy định về hoạt động y tế trong các cơ sở giáo dục mầm non (Ban hành kèm theo Quyết định số 58/2008/QĐ-BGDĐT ngày 17 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), trong đó quy định rõ “hoạt động y tế trong các cơ sở giáo dục mầm non nhằm đảm bảo an toàn, vệ sinh phòng bệnh và chăm sóc sức khỏe cho trẻ em, giúp trẻ em phát triển về thể chất”, một số quy định đã nhấn mạnh đến yếu tố nhóm trẻ và nhà trẻ như “Mỗi trường mầm non, trường mẫu

giáo, nhà trẻ có một phòng làm việc của nhân viên làm công tác y tế (Phòng Y tế) trong khu vực hành chính đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh, diện tích từ 12m² trở lên, thuận tiện cho công tác sơ cứu, cấp cứu, chăm sóc sức khoẻ ban đầu và vận chuyển trẻ em bị tai nạn và ốm đau đột xuất đến cơ sở y tế; Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập bố trí địa điểm để thực hiện sơ cứu, cấp cứu, chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho trẻ em” (điều 6).

Ngoài ra, các bộ/ngành còn ban hành các thông tư liên tịch hướng dẫn việc phối hợp triển khai công tác tiêm chủng mở rộng tại các cơ sở giáo dục mầm non và tiểu học (thông tư Số 12/2001/TTLT/BYT-BGD&ĐT ngày 7 tháng 6 năm 2001 giữa Bộ Y tế và Bộ Giáo dục – Đào tạo), hướng dẫn một số chính sách phát triển giáo dục mầm non (thông tư Số 05/2003/TTLT/BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 24 tháng 2 năm 2003 giữa Bộ Giáo dục – Đào tạo, Bộ Nội Vụ, Bộ Tài Chính). Các thông tư này đều có những quy định nhằm khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các trường mầm non hoạt động tốt.

Về thời gian đón - trả trẻ:

Mặc dù Điều lệ trường mầm non không quy định cụ thể thời giờ đón - trả trẻ nhưng một thực tế gây khó khăn cho bậc phụ huynh hiện nay là hầu hết các trường mầm non, nhà giữ trẻ đều bắt buộc cha mẹ phải đón con trước 16 - 17h. Có trường còn quy định nếu bậc phụ huynh đón con muộn giờ thì phải đóng tiền trông ngoài giờ và các trường đều không nhận giữ trẻ ngày thứ bảy, chủ nhật. Trong khi đó, cán bộ công nhân viên, người lao động làm theo giờ hành chính thì đúng 16h30 - 17h mới tan sở, dẫn đến trường hợp các bậc phụ huynh “ăn bót” thời giờ làm việc để về đón con, nếu phụ huynh không thể đón con theo giờ quy định của trường phải đành chấp nhận gửi nhà trẻ tư nhân, vì thường cho đón trẻ đến 17h – 17h30 (Báo Lao động điện tử ngày 9/1/2002).

Về mức tiền gửi trẻ:

Mức tiền gửi trẻ được quy định theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Tuy nhiên, việc quy định về mức tiền gửi trẻ ở nhà trẻ tư thực và nhà trẻ công lập không giống nhau. Có một số trường mầm non tư thực, tiền gửi trẻ mỗi tháng là 800.000đ trở lên, đối với những cháu chưa đủ 24 tháng tuổi thì phải nộp thêm 100.000đ/tháng và khi nhập học phải đóng 400.000đ tiền đồng phục và các loại phí khác. Còn đối với trường công lập thì tiền đóng hàng tháng có phần “nhẹ” hơn, khoảng 600.000đ/tháng. Tuy nhiên, các trường này luôn quá tải, khó gửi, phải theo đúng thời gian. Có thể nói với số tiền gửi trẻ hàng tháng như vậy, con của người lao động, công nhân trong các nhà máy, xí nghiệp thật khó với tới (Báo Lao động điện tử ngày 9/1/2002).

Những quy định đối với giáo viên và nhân viên

Như đã nêu, giáo viên trông giữ trẻ là người có “bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm mầm non” (điều 38 - Điều lệ Trường mầm non 2008), “giáo viên mầm non phải có bằng trung cấp sư phạm mầm non, đối với những người có bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm khác, phải có chứng chỉ bồi dưỡng sư phạm mầm non ít nhất là 30 ngày; đối với nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có trẻ dân tộc thiểu số, người nuôi dạy trẻ phải nói tiếng Việt và có khả năng giao tiếp với trẻ bằng tiếng dân tộc” (điều 22 – Quy chế Tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục).

Nhân viên trong trường cũng được quy định rõ về trình độ chuyên môn: trình độ chuẩn được đào tạo của nhân viên y tế học đường, kế toán là có bằng tốt nghiệp trung cấp theo chuyên môn được giao; đối với nhân viên thủ quỹ, thư viện, văn thư, nấu ăn, bảo vệ phải được bồi dưỡng về nghiệp vụ được giao (điều 38 - Điều lệ Trường mầm non năm 2008, điều 22 - Quy chế Tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục).

Quyền của giáo viên và nhân viên:

Được đảm bảo các điều kiện để thực hiện nhiệm vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em; được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, được hưởng lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật khi được cử đi học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần và được chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ theo chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo (điều 37 - Điều lệ Trường mầm non 2008). Bên cạnh đó, giáo viên, nhân viên được hưởng chế độ tiền lương, tiền công, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng lao động (điều 22 - Quy chế Tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục).

Về biên chế, chính sách đào tạo, chế độ lương cho giáo viên mầm non:

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 161/2002/QĐ-TTg ngày 15/11/2002 về một số chính sách phát triển giáo dục mầm non; Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính đã có Thông tư liên tịch số 05/2003/TTLT/BGDĐT-BNV-BTC ngày 24/2/2003 hướng dẫn thực hiện quyết định này, phân 4.2 của thông tư đã hướng dẫn rõ về chế độ tiền lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế của giáo viên. Cụ thể, mục 4.2.1: Giáo viên mầm non trong biên chế và hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế ở các trường, lớp mầm non công lập hoặc giáo viên trong biên chế ở các trường, lớp công lập chuyển sang bán công từ ngày thông tư này có hiệu lực được hưởng chế độ tiền lương, các khoản phụ cấp, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo đúng các quy định tại Nghị định số 25/CP ngày 23/5/1993 của Chính phủ “Quy định tạm thời chế độ tiền lương mới của công chức, viên chức hành chính sự nghiệp và lực lượng vũ

trang” và các văn bản hiện hành; Mục 4.2.2 : Giáo viên mầm non làm việc ở các trường, lớp mầm non bán công (trừ giáo viên ở trường, lớp bán công quy định tại điểm 4.2.1), dân lập, tự thực được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của nhà nước và do nhà trường thỏa thuận với giáo viên về mức độ đóng góp.”

Tuy nhiên, so với mức sống hiện nay thì mức lương của giáo viên mầm non rất thấp, lấy ví dụ ở tỉnh Bắc Ninh, lương các cô giáo mầm non nông thôn ngoài biên chế phổ biến khoảng 450 - 500.000 đồng/tháng, được thu từ rất nhiều nguồn: trợ giúp của UBND tỉnh, tiền thu được từ học phí, do dân đóng. Nhìn chung mức thu các vùng cao thấp khác nhau, phụ thuộc sự giàu nghèo, vào cả nhận thức của người dân từng vùng. Tại tỉnh Thanh Hóa, chế độ chi trả lương cho giáo viên mầm non không được thực hiện thống nhất trong toàn tỉnh: huyện Nga Sơn, lương trung bình của giáo viên mầm non là 623.000đ/tháng, có nơi lương giáo viên mầm non chỉ có 150.000đ/tháng, đặc biệt, giáo viên ở các xã đặc biệt khó khăn như huyện Bá Thước, Thường Xuân, Như Xuân, lương giáo viên mầm non chỉ có 20 kg thóc/tháng. Đáng chú ý, ngay trong cùng một trường, cùng dạy học như nhau nhưng có tới 3 đối tượng là giáo viên biên chế, giáo viên hợp đồng của tỉnh, giáo viên hợp đồng của xã được hưởng chế độ khác nhau với mức chênh lệch khá lớn (Báo Bắc Ninh điện tử ngày 6/11/2007 và báo Người đại biểu nhân dân điện tử ngày 13/4/2009).

Hiện nay, trường mầm non bán công chỉ được hai biên chế Nhà nước là Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng. Các giáo viên khác đều thuộc diện ngoài biên chế; mặt khác, mỗi địa phương lại có những quy định khác nhau về mức phụ cấp lương cho giáo viên mầm non ngoài biên chế, dẫn đến thiếu thống nhất và không bình đẳng. Lương thấp cũng là một trong những nguyên nhân số lượng giáo viên mầm non bỏ dạy tăng lên rất cao, nhất là ở các thành phố lớn. Vì vậy, có rất nhiều ý kiến đề nghị nhà nước có chính sách phù hợp hơn đối với đội ngũ giáo viên mầm non, đề nghị Chính phủ quan tâm đến đời sống của đội ngũ giáo viên mầm non, cụ thể là: nâng mức lương tối thiểu của giáo viên mầm non tương đương với mức lương của giáo viên cấp học khác có cùng trình độ đào tạo; đồng thời tăng lương cho đội ngũ giáo viên mầm non, vì hiện nay hầu hết các địa phương chỉ có một mức lương chung cho tất cả các giáo viên hợp đồng như nhau mà không tính đến giáo viên có trình độ, giáo viên làm lâu năm trong ngành; đề nghị đặc biệt quan tâm đến chế độ của giáo viên mầm non hệ dân lập ở các huyện miền núi, vùng cao, nông thôn hiện nay còn gặp nhiều khó khăn (Báo điện tử Vnchannel.net ngày 6/6/2008).

Để xây dựng đội ngũ giáo viên mầm non đáp ứng nhu cầu phát triển,

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 02/2008/QĐ-BGDĐT ngày 22/1/2008 về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non làm căn cứ tuyển dụng, quản lý và đề xuất chế độ lương, bảo hiểm, đãi ngộ, giúp giáo viên yên tâm với nghề nghiệp, tạo sự bình đẳng giữa giáo viên công tác tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập và ngoài công lập. Như vậy, trong hệ thống giáo dục quốc dân, hai bậc tiểu học và mầm non đã có chuẩn giáo viên. Chuẩn giáo viên mầm non có bốn chương và 13 điều với khoảng 110 tiểu mục, mỗi tiểu mục là một yêu cầu bắt buộc đối với giáo viên mầm non. Đối với lĩnh vực kỹ năng sư phạm đã có khoảng 20 yêu cầu đối với giáo viên mầm non. Các yêu cầu được nêu rất chi tiết như giáo viên mầm non phải biết lập kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ theo tháng, tuần; Lập kế hoạch hoạt động một ngày theo hướng tích hợp, phát huy tính tích cực của trẻ; Lập kế hoạch phối hợp với cha mẹ của trẻ để thực hiện mục tiêu chăm sóc, giáo dục trẻ. Các giáo viên cũng phải biết tổ chức môi trường nhóm, lớp đảm bảo vệ sinh và an toàn cho trẻ; Biết hướng dẫn trẻ rèn luyện một số kỹ năng tự phục vụ; Biết phòng tránh và xử trí ban đầu một số bệnh, tai nạn thường gặp đối với trẻ... Giáo viên mầm non sẽ được xếp theo 4 loại: Xuất sắc, khá, trung bình và kém (Báo điện tử vtv.vn ngày 26/1/2008).

3. Kết luận

Có thể nói rằng, công tác chăm sóc giáo dục trẻ mầm non nói chung và trẻ dưới 36 tháng nói riêng đã được Đảng, Nhà nước và các ban ngành liên quan, đặc biệt là Bộ Giáo dục – Đào tạo quan tâm, chú trọng thông qua rất nhiều văn bản chính sách. Các văn bản này đưa ra các quy định với nội dung phù hợp với từng thời kỳ phát triển của đất nước nhằm đạt mục tiêu cao nhất trong phát triển giáo dục lứa tuổi mầm non. Tuy nhiên, các văn bản chưa đi sâu vào quy định riêng cho đối tượng trẻ em ở lứa tuổi dưới 36 tháng mà chủ yếu là những quy định chung cho lứa tuổi mầm non.

Mặc khác, các chính sách giáo dục mầm non chủ yếu tập trung vào nội dung liên quan đến những quy định cho đối tượng trẻ 4-5 tuổi (độ tuổi mẫu giáo) ra lớp để các em chuẩn bị tâm thế vào lớp 1 mà chưa quan tâm đến việc quy định/bổ sung/chỉnh sửa các chính sách phát triển mạng lưới nhà trẻ, chính sách đãi ngộ giáo viên nhà trẻ.

Một điều đáng lưu ý là những quy định trực tiếp đến đối tượng trẻ dưới 36 tháng nói chung và Điều lệ trường mầm non 2008 nói riêng còn thiếu tính khả thi, khó thực hiện trên thực tế dẫn đến việc các trường mầm non không thực hiện hoặc thực hiện hời hợt để đối phó sự kiểm tra, giám sát từ phía cơ quan chức năng. ■

Tài liệu tham khảo

- Báo Quân đội nhân dân điện tử. 2002. *Nhà trẻ hôm qua, khát vọng hôm nay*. Ngày 9/1/2002. <http://www.qdnd.vn/qdnd/baongay.xahoi.chinh sach xa-hoi.31081.qdnd>
- Báo điện tử vnexpress.net. 2008. *Trường mầm non vẫn từ chối nhận trẻ 3 tháng tuổi*. Ngày 6/5/2008. <http://www.vnexpress.net/GL/Doi-song/2008/05/3BA01E8E/>
- Báo điện tử vtc.vn. 2008. *VN xếp hạng 70 thế giới về giáo dục mầm non*. Ngày 18/1/2008. <http://www.vtc.vn/xahoi/giaoduc/172614/index.htm>
- Báo Lao động điện tử. 2002. *“Sốt” nhà giữ trẻ, trường mầm non*. Ngày 9/1/2002. <http://www.laodong.com.vn/Home/Sot-nha-giu-tre-truong-mamnon/20079/56421.laodong>
- Báo Bắc Ninh điện tử. 2007. *Đời sống giáo viên mầm non nông thôn hiện nay ra sao? (Phần 2)*. Ngày 6/11/2007. <http://www.bacninh.gov.vn/Story/GiaoDucDaoTao/ThongTinGiaoDuc/2007/11/10158.html>
- Báo Người đại biểu nhân dân điện tử. 2009. *Tháo gỡ khó khăn cho giáo viên mầm non ngoài biên chế ở Thanh Hóa*. Ngày 13/4/2009. <http://www.nguoidai-bieu.com.vn/Trangchu/VN/tabid/66/CatID/8/ContentID/45455/Default.aspx>
- Báo điện tử vtv.vn. 2008. *110 yêu cầu bắt buộc đối với giáo viên mầm non*. Ngày 26/1/2008. <http://www.vtc.vn/giaoduc/hocduong/173105/index.htm>
- Báo điện tử Vnchannel.net. 2008. *130 kiến nghị cho giáo dục*. Ngày 6/6/2008. <http://www.vnchannel.net/news/giao-duc/200806/130-kien-nghi-cho-giao-duc.82609.html>
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. 1990. *Quy định về mục tiêu kế hoạch đào tạo của nhà trẻ - trường mẫu giáo*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2000. *Điều lệ trường mầm non năm 2000*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2008. *Điều lệ trường mầm non năm 2008*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2005. *Quy định điều kiện tối thiểu cho các lớp mầm non, lớp mẫu giáo và nhóm trẻ độc lập có nhiều khó khăn ở những nơi không đủ điều kiện thành lập trường mầm non*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2008. *Quy chế Tổ chức và hoạt động trường mầm non tư thục*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2008. *Quy định về hoạt động y tế trong các cơ sở giáo dục mầm non*.
- Thủ tướng Chính phủ. 2006. Đề án “*Phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2006 – 2015*”.
- Thủ tướng Chính phủ. 2002. *Quyết định về một số chính sách phát triển giáo dục mầm non*.
- Ủy ban Bảo vệ Bà mẹ và Trẻ em TW. 1984. *Quy chế nuôi dạy trẻ*.
- Phủ Thủ tướng. 1979. *Quyết định của Hội đồng Chính phủ về việc tổ chức bộ máy biên chế nhà trẻ thuộc khu vực nhà nước*.